

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HS-ST
Ngày: 08/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Minh Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Vũ Anh Kiệt
2. Ông Trần Văn Đức

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Công Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Ông Hoàng Kim Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2018, đối với bị cáo:

DƯƠNG QUỐC B (Tên gọi khác: B)

Sinh năm: 1983, tại tỉnh Bình Thuận.

Nơi Đăng ký HKTT: Thôn M, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Chỗ ở: Thôn C, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Dương Bá L, sinh năm: 1953 (Đã chết) và bà: Phan Thị M, sinh năm: 1965.

Vợ: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1985. Con: 01 con, sinh năm 2012.

Tiền sự: không.

Tiền án: 02 tiền án

+ Ngày 19/9/2012, bị Tòa án nhân dân thị xã L xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), tuyên phạt 12 tháng tù tại Bản án số: 82/2012/HSST; ngày 01/6/2013, chấp hành xong hình phạt tù.

+ Ngày 19/5/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã L xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 140 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), tổng hợp hình phạt cả hai tội là 36 tháng tù tại Bản án số: 26/2015/HSST; ngày 05/10/2017, chấp hành xong hình phạt tù theo giấy chứng nhận số 791/GCN ngày 05/10/2017.

Bị cáo bị bắt ngày **02/12/2017**, hiện bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã L. (Có mặt tại phiên tòa).

* *Bị hại*: **Lê Minh H**, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn Mũi Đá, xã Tân Phước, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

* *Người làm chứng*: **Dương Thị N**, sinh năm: 1992. Nơi cư trú: Thôn C, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 05 giờ ngày 01/12/2017, tại nhà anh Lê Minh H thuộc: Thôn M, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận bị cáo Dương Quốc B đã lén lút vào phòng anh H lấy trộm các tài sản gồm: 01 điện thoại Iphone 6S màu vàng đồng, 01 cục sạc dự phòng màu trắng hiệu MICROTEK, 01 đồng hồ đeo tay hiệu TECHNOS, 01 nhẫn vàng mặt vuông có đính hột đá màu xanh, 01 chiếc áo khoác da màu đen, 01 quần Jean màu xanh đen và 01 áo sơ mi dài tay màu xanh, 01 ví da màu nâu bên trong có CMND, bằng lái xe, thẻ ATM đều mang tên Lê Minh H và số tiền 1.500.000 đồng. Lấy xong, bị cáo B đem về nhà cất giấu.

Theo Kết luận định giá tài sản số: **119/KL-ĐGTS** ngày 05/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã L xác định: 01 điện thoại Iphone 6S màu vàng đồng, đã qua sử dụng, trị giá **3.000.000** đồng; 01 đồng hồ hiệu TECHNOS, mới, trị giá **2.200.000** đồng; 01 cục sạc dự phòng màu trắng hiệu MICROTEK, đã qua sử dụng, trị giá **200.000** đồng; 01 áo sơ mi dài tay màu xanh, mới, trị giá **235.000** đồng; 01 quần Jean màu xanh đen, mới, trị giá **295.000** đồng; 01 chiếc áo khoác da màu đen, mới, trị giá **550.000** đồng; 01 ví da màu nâu không có giá trị; 01 nhẫn vàng tây (định giá qua hồ sơ), có hóa đơn mua bán của tiệm vàng Kim Phương, trị giá **4.675.000** đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản bị cáo Dương Quốc B đã chiếm đoạt gồm: **11.155.000** đồng (Tài sản định giá) và số tiền mặt **1.500.000** đồng là **12.655.000** đồng.

Về vật chứng vụ án: Tài sản bị chiếm đoạt đã được Cơ quan điều tra thu hồi trả lại cho người bị hại, đối với chiếc nhẫn vàng và số tiền 1.500.000 đồng không thu hồi được.

Về dân sự: Người bị hại anh H không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền 1.500.000 đồng, chiếc nhẫn vàng và cũng không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 15/QĐ-VKS ngày 06/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Dương Quốc B, về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, bị cáo Dương Quốc B khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng VKSND thị xã L truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Dương Quốc B và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Dương Quốc B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 138; Điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Phạt bị cáo Dương Quốc B, mức án tù: 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng: Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Buộc bị cáo Dương Quốc B phải nộp lại số tiền **6.175.000** đồng (Tiền do phạm tội mà có) sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Dương Quốc B, nói lời sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người bị hại anh Lê Minh H, người làm chứng chị Dương Thị N vắng mặt nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra; Căn cứ **Điều 292 và Điều 293** của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] *Về nội dung:* Tại phiên tòa, bị cáo Dương Quốc B khai nhận: Vào khoảng 05 giờ ngày 01/12/2017, tại nhà anh Lê Minh H thuộc: Thôn M, xã T, thị xã L, tỉnh

Bình Thuận bị cáo đã lén lút vào phòng anh H lấy trộm các tài sản gồm: 01 điện thoại Iphone 6S màu vàng đồng, trị giá **3.000.000** đồng; 01 đồng hồ hiệu TECHNOS, trị giá **2.200.000** đồng; 01 cục sạc dự phòng màu trắng hiệu MICROTEK, trị giá **200.000** đồng; 01 áo sơ mi dài tay màu xanh, trị giá **235.000** đồng; 01 quần Jean màu xanh đen, trị giá **295.000** đồng; 01 chiếc áo khoác da màu đen, trị giá **550.000** đồng; 01 ví da màu nâu không có giá trị bên trong có CMND, bằng lái xe, thẻ ATM đều mang tên Lê Minh H và số tiền 1.500.000 đồng; 01 nhẫn vàng tây (Định giá qua hồ sơ), có hóa đơn mua bán của tiệm vàng Kim Phương, trị giá **4.675.000** đồng. Lấy xong, bị cáo đem về nhà cất giấu. Đến chiều cùng ngày, bị cáo lấy nhẫn vàng và 1.500.000 đồng trả nợ cho một người tên G (Không rõ nhân thân lai lịch) ở phường P; Chiếc điện thoại không sử dụng được do cài mật khẩu nên bị cáo để dưới gầm giường; các tài sản còn lại bị cáo giấu phía sau xe bò tại nhà.

Như vậy, tổng giá trị tài sản bị cáo Dương Quốc B đã chiếm đoạt gồm: **11.155.000** đồng (Tài sản định giá) và số tiền mặt **1.500.000** đồng là **12.655.000** đồng.

Xét, lời khai của bị cáo Dương Quốc B tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại cùng tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

Tại Bản án số: 26/2015/HSST ngày 19/5/2015, Tòa án nhân dân thị xã L đã xét xử bị cáo Dương Quốc Bình về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 140 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), tổng hợp hình phạt cả hai tội là 36 tháng tù và đã áp dụng tình tiết “Tái phạm”. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích thì bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nêu trên. Như vậy, trong lần thực hiện hành vi phạm tội lần này là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự: “*Tái phạm nguy hiểm*” thuộc trường hợp “*Đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý*”.

Với hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản như đã nêu trên của bị cáo Dương Quốc B đã phạm tội: “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố đối với bị cáo Dương Quốc B về tội danh, điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Dương Quốc B, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, để nhận thức rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị nghiêm cấm, nhưng với bản tính tham lam, chây lười lao động, nên bị cáo đã lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản của người khác, thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, nhằm mục đích tư lợi cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, tạo tâm lý mất an toàn trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, để giữ gìn kỷ cương pháp luật,

bảo vệ quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, cần phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[3] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Không có

[4] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn; Gia đình bị cáo khó khăn. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng*”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] *Về xử lý vật chứng*: Trong quá trình điều tra đối với chiếc nhẫn vàng và số tiền 1.500.000 đồng không thu hồi được, đối với những tài sản khác đã thu hồi và trả lại cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] *Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt. Quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt, người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm về phần dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 1.500.000 đồng và 01 nhẫn vàng tây trị giá 4.675.000 đồng (Định giá qua hồ sơ), tổng cộng là 6.175.000 đồng người bị hại anh Lê Minh H không yêu cầu bị cáo B hoàn trả. Nên đây là tiền do phạm tội mà có, cần buộc bị cáo B phải nộp lại sung vào ngân sách.

[8] *Về án phí*: Bị cáo Dương Quốc B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Dương Quốc B (B) phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Dương Quốc B **03 (Ba) năm** tù. Thời hạn tù được tính từ ngày **02/12/2017**.

Áp dụng: Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Buộc bị cáo Dương Quốc B phải nộp lại số tiền **6.175.000** (Sáu triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Áp dụng: Điều 135 và Điều **136** Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Dương Quốc B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng: Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đối với người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Phòng PC81 – Công an tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- Công an thị xã L;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND địa phương nơi BC cư trú;
- Lưu HS – Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Minh Chính